BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN ASEAN – NHẬT BẢN (AJCEP)

(Kèm theo Tờ trình Chính phủ số /TTr-BTC ngày tháng năm 2022)

1. Đánh giá tổng thể

Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Dự thảo Nghị định đã đảm bảo được các yêu câu sau|:

- *Phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, tính hợp hiến, hợp pháp*: Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, trong đó có chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Việc triển khai xây dựng dự thảo Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AJCEP là nhằm thúc đẩy phát triển hoạt động thương mại, đầu tư và sản xuất giữa Việt Nam với Nhật Bản.

Nội dung dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016, Luật Hải quan năm 2014.

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật*: Nghị định ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định AJCEP giai đoạn 2023 - 2028 đã được rà soát, đảm bảo tương thích, đồng bộ với các Luật, Nghị định liên quan như Luật Thương mại, Luật Đầu tư, Luật Quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Nghị định hướng dẫn Luật Đầu tư, Luật Thương mại.

- *Đảm bảo tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên*: Các nội dung của dự thảo Nghị định đã bảo đảm phù hợp với Hiệp định AJCEP và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên.

- Việc ban hành Nghị định theo Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 5 năm sẽ hỗ trợ công tác thống kê hải quan về xuất nhập khẩu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, tạo môi trường kinh doanh minh bạch về thuế suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và cơ quan hải quan trong triển khai thực hiện.

2. Đánh giá tình hình thực thi Hiệp định AJCEP

Hiệp định AJCEP có hiệu lực kể từ ngày 01/12/2008. Theo cam kết của Hiệp định, thuế nhập khẩu được cắt giảm đều theo lộ trình, bắt đầu từ năm 2008 và kết thúc vào năm 2025. Đến năm cuối lộ trình 2025, mức thuế suất thuế nhập khẩu trung bình toàn biểu là 1,19% tự do hóa hơn nhiều so với mức thuế suất thuế MFN ban hành theo Nghị định số 57/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ là 11,86%. Theo đánh giá chung, các nhóm hàng có kim ngạch lớn và giảm thuế mạnh trong giai đoạn 2018 - 2021 gồm: máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng (chương 82, 84, 85), máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện (chương 84, chương 85), Sắt, thép, phôi thép, đồng, kim loại cơ bản, kim loại thường khác, và sản phẩm bằng sắt, thép, kim loại cơ bản (chương 87: 8702, 8703, 8704, 8711).

Kim ngạch nhập khẩu trung bình giai đoạn 2018 – 2021 của khu vực AJ là khoảng 55,32 tỷ USD, trong đó năm 2021 đạt 63,52 tỷ USD, tăng thêm 22% so với năm 2018. Tỷ lệ tận dụng ưu đãi đặc biệt của năm 2021 là 0,6%. Số liệu này cho thấy việc thực hiện Hiệp định AJCEP thời gian qua đã có những tác động tích cực đến giá trị nhập khẩu từ thị trường các nước thực thi hiệp định.

Trong năm 2021, Việt Nam nhập khẩu 63.52 tỉ USD trong khuôn khổ Hiệp định AJCEP. Mặc dù chỉ chiếm khoảng 19,6% tổng kim ngạch nhập khẩu từ thế giới, nhưng mức nhập khẩu này đã tăng 21% (tương đương với khoảng 10,81 tỉ USD) so với năm 2020, trong đó tăng mạnh nhất là các mặt hàng quặng và khoáng sản, lúa mì, bông các loại, than các loại, phế liệu sắt thép...Bên cạnh đó, cũng có một số mặt hàng giảm nhập khẩu đáng kể trong khuôn khổ AJCEP như: điện thoại các loại và linh kiện (giảm 577 triệu USD), nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày (giảm 165 triệu USD), hàng điện gia dụng và linh kiện (giảm 103 triệu USD), thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh (giảm 82 triệu USD),... nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn gồm:

Bảng 1: Các mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn từ ASEAN-Nhật Bản năm 2021

Đơn vị: triệu USD

STT	Nhóm mặt hàng	KNNK năm 2021
1	Máy vi tính, Sản phẩm điện tử & linh kiện	11.759
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	7.278
3	Hàng hóa khác	3.545
4	Chất dẻo nguyên liệu	2.501
5	Sắt thép loại khác	2.471

Xét về số liệu nhập khẩu theo Giấy chứng nhận xuất xứ của Hiệp định (C/O Form AANZ), trong năm 2021, kim ngạch nhập khẩu theo Form AJ đạt 412 triệu USD, cao hơn so với năm 2020 là 364 triệu USD. Các nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn tận dụng được ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định gồm: than đá, sữa và sản phẩm từ sữa, kim loại thường khác, hàng hóa khác, chế phẩm thực phẩm khác, dầu mỡ động thực vật …

Bảng 2: Các nhóm hàng tận dụng được thuế suất AJCEP

Đơn vị: triệu USD

Nhóm hàng	**Giá trị nhập khẩu 2021 hưởng form AJCEP**
Than đá	131
Chất dẻo nguyên liệu	103
Sữa và sản phẩm từ sữa	40
Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	22
Hàng hóa khác	20

Căn cứ thống kê hải quan, số thu từ thuế nhập khẩu của Việt Nam theo form AJ giai đoạn 2018 - 2021 đạt mức trung bình khoảng 60,25 tỷ đồng. Trong đó có giai đoạn giảm từ 84 tỷ đồng (năm 2018) xuống còn 47 tỷ VND (năm 2020) và xuống mức 35 tỷ năm 2021. Như vậy, có thể thấy việc thực hiện cam kết trong AJCEP đồng nghĩa với việc giảm thuế theo lộ trình, cùng với sự ảnh hưởng của dịch bệnh lên nền kinh tế nên số thu giai đoạn 2020 giảm mạnh so với thời kỳ trước và đang phục hồi lại từ năm 2021. Chi tiết số thu theo một số nhóm hàng tiêu biểu tại bảng sau:

Đơn vị: nghìn đồng

STT	**Nhóm hàng**	**Thu NK 2020**	**Thu NK 2021**	**Tăng/giảm thu**
1	Hàng hóa khác	186.270	14.576.298	14.390.028
2	Bánh, kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc	3.162.778	4.219.800	1.057.021
3	Hàng điện gia dụng và linh kiện	14.407.096	3.150.819	(11.256.277)
4	Ô tô loại khác	257.625	2.672.190	2.414.565

5	Sản phẩm hóa chất	75.701	2.289.606	2.213.904
6	Chế phẩm thực phẩm khác	856.459	2.165.170	1.308.710
7	Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng	8.837.839	2.100.368	(6.737.470)

Quá trình thực hiện Nghị định 160/NĐ-CP ngày 27/12/2017 không nảy sinh các vấn đề, bất cập. Việc ban hành Nghị định biểu thuế cho giai đoạn tiếp theo cần kế thừa các nội dung đã thể hiện được giá trị thực tế trong thực thi cam kết.

3. Đánh giá tác động của điều chỉnh biểu thuế

- Do biểu thuế được xây dựng trên cơ sở bám sát cam kết tại Hiệp định nên về cơ bản thuế suất không thay đổi so với lộ trình đã cam kết. Trong tổng số **11.444** dòng hàng theo AHTN 2022 cấp độ 8, có **10744** dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được chuyển đổi 1:1 (mã hàng không thay đổi) từ AHTN 2017, có 343 dòng thuế 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 giống nhau. Chỉ có 26 dòng thuế ở cấp độ 8 số theo AHTN 2022 được gộp từ các dòng thuế có thuế suất cam kết theo AHTN 2017 khác nhau. Tuy nhiên, các trường hợp này đều được chuyển đổi theo phương án chi tiết hoá thêm một số dòng thuế ở cấp độ trên 8 số hoặc tìm ra bản chất tương quan với mã 10 số của AHTN 2017, theo đó đều bảo lưu cam kết gốc của Việt Nam tại các Hiệp định.

- Về cơ bản, phần lớn các mã hàng trong Biểu thuế không thay đổi so với Biểu thuế theo Nghị định số 160/2017/NĐ-CP hiện hành. Như vậy, việc ban hành Nghị định không phát sinh tác động đến việc thực thi các cam kết trong khuôn khổ Hiệp định AJCEP đồng thời đảm bảo tính ổn định của biểu thuế ưu đãi đặc biệt.

- Danh mục AHTN 2022 cấu trúc lại một số nhóm hàng, phân nhóm hàng, chi tiết thêm một số dòng hàng mới, những thay đổi này mục đích là để phù hợp với sự phát triển công nghệ và trao đổi thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết theo các công ước, hiệp ước nhằm bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh thế giới, kiểm soát hóa chất, vũ khí độc hại…về cơ bản những thay đổi này không ảnh hưởng đến chính sách quản lý thuế hiện hành. Đối với các mặt hàng mới và dòng hàng bị gộp từ nhiều dòng thuế có sự khác biệt về thuế suất và lộ trình cam kết cắt giảm thuế quan, Bộ Tài chính đã rà soát các cam kết gốc và thực hiện theo nguyên tắc chuyển đổi trong quá trình xây dựng Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt Hiệp định AJCEP giai đoạn 2023 - 2028 theo Danh mục AHTN

2022 để đảm bảo không ảnh hưởng đến thu ngân sách và các chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, chính sách quản lý mặt hàng.

Một số nhóm hàng chính có sự thay đổi thuế suất khi chuyển đổi Biểu thuế AJCEP theo AHTN 2022 bao gồm thủy sản – động vật thân mềm (Nhóm 0307), chế phẩm thực phẩm – xúc xích (nhóm 1601), cao su tụ nhiên (nhóm 4001) ô tô và các loại xe khác có động cơ được thiết kế chở người (nhóm 8703). Bộ Tài chính đã tuân thủ các nguyên tắc xây dựng thuế suất đảm bảo lợi ích và bảo lưu cam kết thuế quan của Việt Nam theo Hiệp định AJCEP, các mặt hàng có thay đổi thuế suất nêu trên cơ bản được tách mã ở cấp độ 10 số. Đối với các nhóm hàng này, năm 2021, chủ yếu phát sinh kim ngạch ở mặt hàng caoi su tự nhiên (nhóm 4001) khoảng 1,815 tỷ USD (chiếm 8%% tổng nhập khẩu trong khuôn khổ Hiệp định AJCEP năm 2021). Mức thuế suất từ 0% đến 20%.

- Theo cam kết trong Hiệp định AJCEP, đến năm cuối lộ trình 2025, 86,5% số dòng thuế trong biểu thuế thuộc danh mục thông thường của Việt Nam đạt mức 0%, tập trung chủ yếu nằm ở các nhóm: bánh kẹo, bông các loại, cao su, phân bón, thủy sản, thức ăn gia súc, hàng rau quả, giấy, gỗ, linh kiện phụ tùng, phương tiện vận tải, chất dẻo, hóa chất, dầu mỏ, sắt thép, máy móc thiết bị, sữa, lúa mì, chế phẩm, dầu mỡ động thực vật, đậu tương... Theo lộ trình cắt giảm thuế quan ASEAN – Nhật Bản, mức thuế suất bình quân (tính các dòng có thuế suất) cho giai đoạn 2023 – 2028 tính trên tổng biểu thuế Nghị định ban hành vào khoảng 1,34%.

- Theo đánh giá của Bộ Tài chính, Việt Nam đã hoàn thành cơ bản cam kết thuế trong AJCEP (thời điểm cuối lộ trình là năm 2025), do đó thuế suất cam kết cho giai đoạn 2023 - 2028 không có sự thay đổi lớn.

Tác động tăng/giảm thu ngân sách cho từng giai đoạn cắt giảm thuế quan đã được đánh giá vào thời điểm đàm phán lộ trình giảm thuế khi ký kết các FTA, đồng thời cũng được đánh giá tổng thể trong dự toán ngân sách hàng năm.